

CHƯƠNG 1

CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ KẾ TOÁN PHẢI THU KHÁCH HÀNG

1.1. Các khái niệm nền tảng liên quan đến đề tài nghiên cứu

1.1.1. Khái niệm

Về các khoản phải thu trong kế toán Việt Nam nói chung, nó được dùng để diễn tả các khoản tiền mà doanh nghiệp kỳ vọng sẽ thu được từ khách hàng, các đơn vị nội bộ, và các khoản cho vay. Các khoản phải thu có thể được phân loại như sau: phải thu khách hàng, phải thu nội bộ, và phải thu khác không thuộc 2 loại trên, ví dụ: tiền bồi thường và tiền ứng trước. Trong đó, phải thu khách hàng có tầm quan trọng cao trong doanh nghiệp với các vai trò: quản lý dòng tiền, thể hiện khả năng thanh khoản, đánh giá tình hình tài chính và quan hệ khách hàng.

“Phải thu khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán, như: phải thu về bán hàng, cung cấp dịch vụ, thanh lý, nhượng bán tài sản (TSCĐ, BĐSĐT, các khoản đầu tư tài chính) giữa doanh nghiệp và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, gồm cả các khoản phải thu giữa công ty mẹ và công ty con, liên doanh, liên kết). Đây là khoản phải thu gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu của bên giao ủy thác thông qua bên nhận ủy thác.”

(Nguồn: Khoản 2 Điều 17 Thông tư 200/2014/TT-BTC).

1.1.2. Đặc điểm và phân loại

- **Đặc điểm:**

- + Khoản phải thu khách hàng là một loại tài sản của doanh nghiệp mà người mua chiếm dụng và doanh nghiệp có trách nhiệm thu hồi các khoản tiền này.
- + Bản chất của phải thu khách hàng là số tiền thu từ việc bán hàng hoá, sản phẩm hoặc dịch vụ nhưng chưa được khách hàng thanh toán ngay.

- **Phân loại:**

Trong báo cáo tài chính, “phải thu khách hàng” được thể hiện tại 2 chỉ tiêu trong bảng cân đối kế toán theo thời hạn thanh toán:

- + Phải thu ngắn hạn của khách hàng: “phản ánh số tiền còn lại phải thu của khách hàng có kỳ hạn thanh toán không quá 12 tháng hoặc ít hơn một chu kỳ sản xuất, kinh doanh tại thời điểm báo cáo.”

- + Phải thu dài hạn của khách hàng: “phản ánh số tiền còn lại phải thu của khách hàng có kỳ hạn thanh toán trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ sản xuất, kinh doanh tại thời điểm báo cáo.”

1.1.3. Vai trò, nhiệm vụ

- Vai trò

- + Quản lý các khoản phải thu khách hàng.
- + Đảm bảo các khoản nợ được thu hồi đúng hạn để ổn định dòng tiền ổn định cho doanh nghiệp.
- + Đảm bảo tính chính xác giữa tình hình thực tế và trên sổ sách.

- Nhiệm vụ

- + Phân tích khả năng thu hồi nợ.
- + Lập biên bản đối chiếu công nợ khách hàng.
- + Duy trì liên lạc, giữ mối quan hệ với khách hàng.

1.2. Ý nghĩa và sự cấp thiết của đề tài

Trong một hệ thống kế toán, các khoản phải thu khách hàng phải được theo dõi và quản lý chặt chẽ nhằm giúp doanh nghiệp duy trì nguồn tiền ổn định, đảm bảo tính thanh khoản được tối ưu nhất và tăng cường hiệu quả tài chính. Từ đó giúp doanh nghiệp nắm bắt kịp thời tình hình tài chính làm căn cứ để lập báo cáo chính xác và đưa ra các quyết định quản trị hiệu quả.

Ngoài ra, quản lý phải thu tốt còn giúp cải thiện mối quan hệ với khách hàng, tăng cường khả năng cấp tín dụng, những yếu tố này là điều cần thiết để thúc đẩy năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp.

1.3. Luật, nghị định, chuẩn mực, thông tư

▪ Luật:

- Luật kế toán số 88/2015/QH13, Quốc Hội khóa XIII, ban hành về “*Nội dung công tác kế toán, tổ chức bộ máy kế toán, người làm kế toán, hoạt động kinh doanh dịch vụ kế toán, quản lý nhà nước về kế toán và tổ chức nghề nghiệp về kế toán*”, ngày ban hành 20 tháng 11 năm 2015, ngày hiệu lực 01 tháng 01 năm 2017.

▪ Nghị định:

- Nghị định số 174/2016/NĐ-CP về “*Quy định chi tiết một số điều của Luật kế toán về nội dung công tác kế toán, tổ chức bộ máy kế toán và người làm kế toán, hoạt động kinh doanh dịch vụ kế toán, cung cấp dịch vụ kế toán qua biên giới và tổ chức nghề nghiệp về kế toán.*”, ngày ban hành 30 tháng 12 năm 2016, ngày hiệu lực 01 tháng 01 năm 2017.

▪ **Chuẩn mực:**

- Điều 19, Chuẩn mực kế toán số 01, do Bộ Tài chính ban hành ngày 21 tháng 12 năm 2002, ngày hiệu lực 01 tháng 01 năm 2003.
- Điều 10, Chuẩn mực kế toán số 14, do Bộ Tài chính ban hành ngày 31 tháng 12 năm 2001, ngày hiệu lực 01 tháng 01 năm 2002.
- Điều 14, Chuẩn mực kế toán số 14, do Bộ Tài chính ban hành ngày 31 tháng 12 năm 2001, ngày hiệu lực 01 tháng 01 năm 2002.
- Điều 9, Chuẩn mực kế toán số 18, do Bộ Tài chính ban hành ngày 28 tháng 12 năm 2005, ngày hiệu lực 01 tháng 01 năm 2006.

▪ **Thông tư:**

- Thông tư số 200/2014/TT-BTC về “*Chế độ kế toán doanh nghiệp*”, do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014, ngày hiệu lực 01 tháng 01 năm 2015.
- Thông tư số 48/2019/TT-BTC về “*Trích lập và xử lý các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, dự phòng tổn thất các khoản đầu tư, dự phòng tổn thất nợ phải thu khó đòi và dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, công trình xây dựng làm cơ sở xác định khoản chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định*” do Bộ Tài chính ban hành ngày 08 tháng 08 năm 2019, ngày hiệu lực 10 tháng 10 năm 2019.

Nguyên tắc kế toán

Trích “Thông tư 200/2014/TT-BTC” – (Điều 17. Nguyên tắc kế toán các khoản phải thu):

“Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ, phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc kế toán sau:

- “Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán, như: Phải thu về bán hàng, cung cấp dịch

vụ, thanh lý, nhượng bán tài sản (tài sản cố định, bất động sản đầu tư, các khoản đầu tư tài chính) giữa doanh nghiệp và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, gồm cả các khoản phải thu giữa công ty mẹ và công ty con, liên doanh, liên kết). Khoản phải thu này gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu của bên giao ủy thác thông qua bên nhận ủy thác.”

- “Phải thu nội bộ gồm các khoản phải thu giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.”

- “Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán, như:

+ “Các khoản phải thu tạo ra doanh thu hoạt động tài chính, như: khoản phải thu về lãi cho vay, tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia.”

+ “Các khoản chi hộ bên thứ ba được quyền nhận lại; Các khoản bên nhận ủy thác xuất khẩu phải thu hộ cho bên giao ủy thác.”

+ “Các khoản phải thu không mang tính thương mại như cho mượn tài sản, phải thu về tiền phạt, bồi thường, tài sản thiếu chờ xử lý...””

Trích “Thông tư 200/2014/TT-BTC” – (Điều 18. Tài khoản 131 – Phải thu khách hàng):

- “Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản nợ phải thu và tình hình thanh toán các khoản nợ phải thu của doanh nghiệp với khách hàng về tiền bán sản phẩm, hàng hóa, BĐS đầu tư, TSCĐ, các khoản đầu tư tài chính, cung cấp dịch vụ. Tài khoản này còn dùng để phản ánh các khoản phải thu của người nhận thầu XD CB với người giao thầu về khối lượng công tác XD CB đã hoàn thành. Không phản ánh vào tài khoản này các nghiệp vụ thu tiền ngay.”

- “Khoản phải thu của khách hàng cần được hạch toán chi tiết cho từng đối tượng, từng nội dung phải thu, theo dõi chi tiết kỳ hạn thu hồi (trên 12 tháng hay không quá 12 tháng kể từ thời điểm báo cáo) và ghi chép theo từng lần thanh toán. Đối tượng phải thu là các khách hàng có quan hệ kinh tế với doanh nghiệp về mua sản phẩm, hàng hoá, nhận cung cấp dịch vụ, kể cả TSCĐ, bất động sản đầu tư, các khoản đầu tư tài chính.

- + “Bên giao ủy thác xuất khẩu ghi nhận trong tài khoản này đối với các khoản phải thu từ bên nhận ủy thác xuất khẩu về tiền bán hàng xuất khẩu như các giao dịch bán hàng, cung cấp dịch vụ thông thường.”
- + “Trong hạch toán chi tiết tài khoản này, kế toán phải tiến hành phân loại các khoản nợ, loại nợ có thể trả đúng hạn, khoản nợ khó đòi hoặc có khả năng không thu hồi được, để có căn cứ xác định số trích lập dự phòng phải thu khó đòi hoặc có biện pháp xử lý đối với khoản nợ phải thu không đòi được.”
- + “Trong quan hệ bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ theo thoả thuận giữa doanh nghiệp với khách hàng, nếu sản phẩm, hàng hoá, BĐS đầu tư đã giao, dịch vụ đã cung cấp không đúng theo thoả thuận trong hợp đồng kinh tế thì người mua có thể yêu cầu doanh nghiệp giảm giá hàng bán hoặc trả lại số hàng đã giao.”
- + “Doanh nghiệp phải theo dõi chi tiết các khoản nợ phải thu của khách hàng theo từng loại nguyên tệ. Đối với các khoản phải thu bằng ngoại tệ thì thực hiện theo nguyên tắc:
 - “Khi phát sinh các khoản nợ phải thu của khách hàng (bên Nợ tài khoản 131), kế toán phải quy đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh (là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi chỉ định khách hàng thanh toán). Riêng trường hợp nhận trước của người mua, khi đủ điều kiện ghi nhận doanh thu thì bên Nợ tài khoản 131 áp dụng tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh đối với số tiền đã nhận trước;”
 - “Khi thu hồi nợ phải thu của khách hàng (bên Có tài khoản 131) kế toán phải quy đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh cho từng đối tượng khách nợ (Trường hợp khách nợ có nhiều giao dịch thì tỷ giá thực tế đích danh được xác định là tỷ giá bình quân gia quyền di động các giao dịch của khách nợ đó). Riêng trường hợp phát sinh giao dịch nhận trước tiền của người mua thì bên Có tài khoản 131 áp dụng tỷ giá giao dịch thực tế (là tỷ giá ghi vào bên Nợ tài khoản tiền) tại thời điểm nhận trước;”
 - “Doanh nghiệp phải đánh giá lại các khoản phải thu của khách hàng có gốc ngoại tệ tại tất cả các thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật. Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại khoản phải thu của khách hàng là

tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Trường hợp doanh nghiệp có nhiều khoản phải thu và giao dịch tại nhiều ngân hàng thì được chủ động lựa chọn tỷ giá mua của một trong những ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch. Các đơn vị trong tập đoàn được áp dụng chung một tỷ giá do Công ty mẹ quy định (phải đảm bảo sát với tỷ giá giao dịch thực tế) để đánh giá lại các khoản phải thu của khách hàng có gốc ngoại tệ phát sinh từ các giao dịch trong nội bộ tập đoàn. ””””

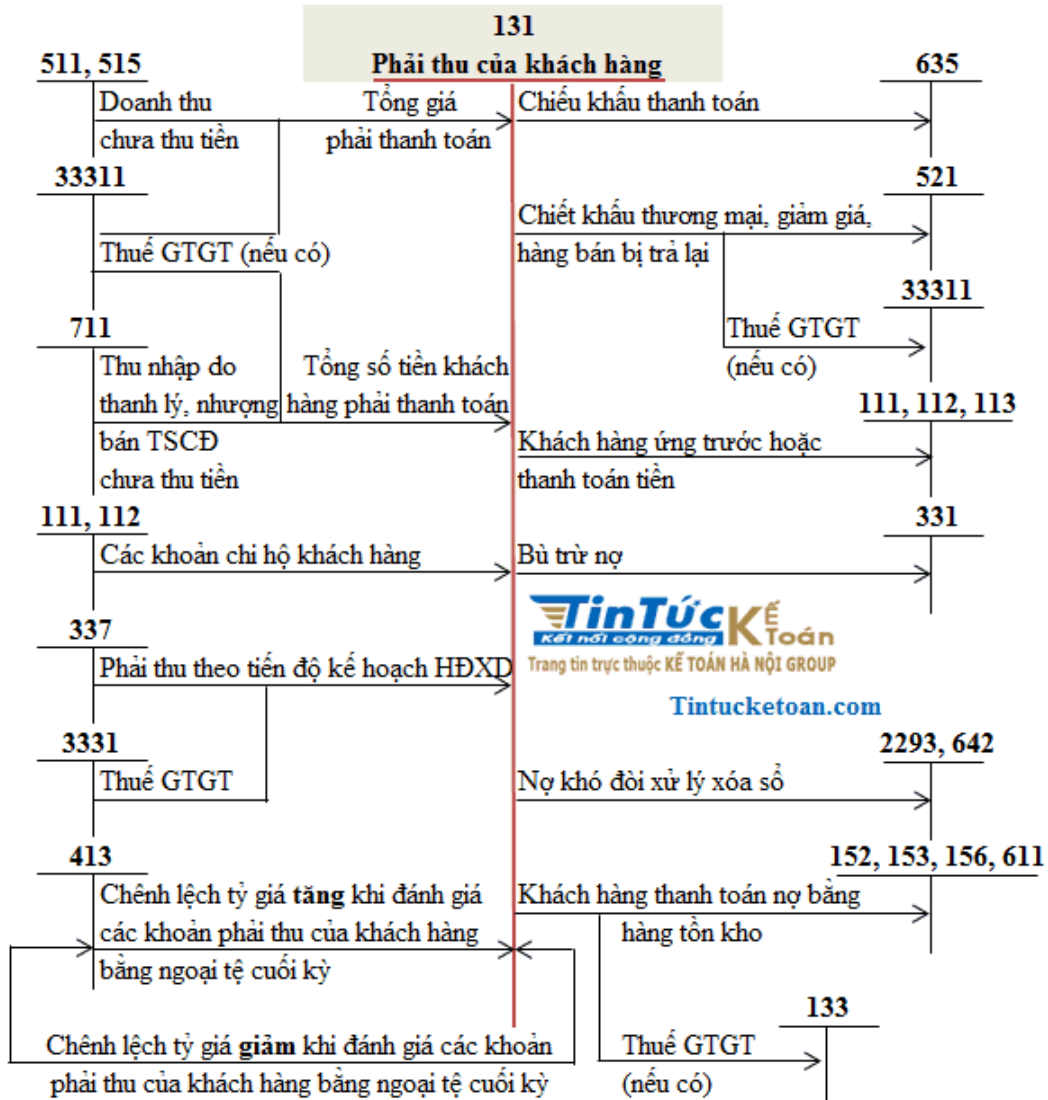
Hạch toán nghiệp vụ theo Thông tư 200 Thông tư số 200/2014/TT-BTC



Ketoanhanoi.vn

Nội hệ từ tính hóa kế toán

KẾ TOÁN PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG



Hình 1. 1. Sơ đồ hạch toán chi tiết TK 131.

Nguồn: <https://tintucketoan.com>

- ❖ “Khi bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ chưa thu được ngay bằng tiền (kể các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu của bên giao ủy thác), kế toán ghi nhận doanh thu, ghi:
 - “Đối với sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ, bất động sản đầu tư thuộc đối tượng chịu thuế GTGT, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất khẩu, thuế bảo vệ môi trường, kế

toán phản ánh doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo giá bán chưa có thuế, các khoản thuế gián thu phải nộp được tách riêng ngay khi ghi nhận doanh thu (kể cả thuế GTGT phải nộp theo phương pháp trực tiếp), ghi:

Nợ TK 131 - Phải thu của khách hàng (tổng giá thanh toán)

Có TK 511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ (giá chưa có thuế)

Có TK 333 - Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước.”

– “Trường hợp không tách ngay được các khoản thuế phải nộp, kế toán ghi nhận doanh thu bao gồm cả thuế phải nộp. Định kỳ kế toán xác định nghĩa vụ thuế phải nộp và ghi giảm doanh thu, ghi:

Nợ TK 511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Có TK 333 - Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước.””

❖ “Kế toán hàng bán bị khách hàng trả lại:

Nợ TK 5213 - Hàng bán bị trả lại (giá bán chưa có thuế)

Nợ TK 333 - Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (số thuế GTGT của hàng bán bị trả lại, chi tiết cho từng loại thuế)

Có TK 131 - Phải thu của khách hàng.”

❖ “Kế toán chiết khấu thương mại và giảm giá hàng bán

– “Trường hợp số tiền chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán đã ghi ngay trên hóa đơn bán hàng, kế toán phản ánh doanh thu theo giá đã trừ chiết khấu, giảm giá (ghi nhận theo doanh thu thuần) và không phản ánh riêng số chiết khấu, giảm giá;”

– “Trường hợp trên hóa đơn bán hàng chưa thể hiện số tiền chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán do khách hàng chưa đủ điều kiện để được hưởng hoặc chưa xác định được số phải chiết khấu, giảm giá thì doanh thu ghi nhận theo giá chưa trừ chiết khấu (doanh thu gộp). Sau thời điểm ghi nhận doanh thu, nếu khách hàng đủ điều kiện được hưởng chiết khấu, giảm giá thì kế toán phải ghi nhận riêng khoản chiết khấu giảm giá để định kỳ điều chỉnh giảm doanh thu gộp, ghi:

Nợ TK 521 - Các khoản giảm trừ doanh thu (5211, 5212)(giá chưa có thuế)

Nợ TK 333 - Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (số thuế của hàng giảm giá, chiết khấu thương mại)

Có TK 131 - Phải thu của khách hàng (tổng số tiền giảm giá).””

❖ “Số chiết khấu thanh toán phải trả cho người mua do người mua thanh toán tiền mua hàng trước thời hạn quy định, trừ vào khoản nợ phải thu của khách hàng, ghi:

Nợ TK 111 - Tiền mặt

Nợ TK 112 - Tiền gửi Ngân hàng

Nợ TK 635 - Chi phí tài chính (Số tiền chiết khấu thanh toán)

Có TK 131 - Phải thu của khách hàng.”

❖ “Nhận được tiền do khách hàng trả (kể cả tiền lãi của số nợ - nếu có), nhận tiền ứng trước của khách hàng theo hợp đồng bán hàng hoặc cung cấp dịch vụ, ghi:

Nợ các TK 111, 112,....

Có TK 131 - Phải thu của khách hàng

Có TK 515 - Doanh thu hoạt động tài chính (phần tiền lãi).

Trường hợp nhận ứng trước bằng ngoại tệ thì bên Có TK 131 ghi theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm nhận tiền ứng trước (tỷ giá mua của ngân hàng nơi thực hiện giao dịch).”

❖ “Phương pháp kế toán các khoản phải thu của nhà thầu đối với khách hàng liên quan đến hợp đồng xây dựng:

– “Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch:

+ “Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được ước tính một cách đáng tin cậy, kế toán căn cứ vào chứng từ phản ánh doanh thu tương ứng với phần công việc đã hoàn thành (không phải hóa đơn) do nhà thầu tự xác định, ghi:

Nợ TK 337 - Thanh toán theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng

Có TK 511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.”

+ “Căn cứ vào hóa đơn được lập theo tiến độ kế hoạch để phản ánh số tiền khách hàng phải trả theo tiến độ kế hoạch đã ghi trong hợp đồng, ghi:

Nợ TK 131 - Phải thu của khách hàng

Có TK 337 - Thanh toán theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng

Có TK 3331 - Thuế GTGT phải nộp (33311).”

– “Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định

một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, kế toán phải lập hóa đơn trên cơ sở phân công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận, căn cứ vào hóa đơn, ghi:

Nợ TK 131 - Phải thu của khách hàng

Có TK 511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Có TK 3331 - Thuế GTGT phải nộp (33311).”

– “Khoản tiền thưởng thu được từ khách hàng trả phụ thêm cho nhà thầu khi thực hiện hợp đồng đạt hoặc vượt một số chỉ tiêu cụ thể đã được ghi trong hợp đồng, ghi:

Nợ TK 131- Phải thu của khách hàng

Có TK 511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Có TK 3331 - Thuế GTGT phải nộp (33311).”

– “Khoản bồi thường thu được từ khách hàng hay các bên khác để bù đắp cho các chi phí không bao gồm trong giá trị hợp đồng (như sự chậm trễ, sai sót của khách hàng và các tranh chấp về các thay đổi trong việc thực hiện hợp đồng), ghi:

Nợ TK 131 - Phải thu của khách hàng

Có TK 511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Có TK 3331 - Thuế GTGT phải nộp (33311).”

– “Khi nhận được tiền thanh toán khối lượng công trình hoàn thành hoặc khoản ứng trước từ khách hàng, ghi:

Nợ các TK 111, 112,...

Có TK 131 - Phải thu của khách hàng.””

❖ “Trường hợp khách hàng không thanh toán bằng tiền mà thanh toán bằng hàng (theo phương thức hàng đổi hàng), căn cứ vào giá trị vật tư, hàng hoá nhận trao đổi (tính theo giá trị hợp lý ghi trong Hoá đơn GTGT hoặc Hoá đơn bán hàng của khách hàng) trừ vào số nợ phải thu của khách hàng, ghi:

Nợ TK 152 - Nguyên liệu, vật liệu

Nợ TK 153 - Công cụ, dụng cụ

Nợ TK 156 - Hàng hóa

Nợ TK 611- Mua hàng (hàng tồn kho kế toán theo phương pháp KKĐK)

Nợ TK 133 - Thuế GTGT được khấu trừ (nếu có)

Có TK 131 - Phải thu của khách hàng.”

❖ “Trường hợp phát sinh khoản nợ phải thu khó đòi thực sự không thể thu nợ được phải xử lý xoá sổ, căn cứ vào biên bản xử lý xoá nợ, ghi:

Nợ TK 229 - Dự phòng tổn thất tài sản (2293) (số đã lập dự phòng)

Nợ TK 642 - Chi phí quản lý doanh nghiệp (số chưa lập dự phòng)

Có TK 131 - Phải thu của khách hàng.”

❖ “Kế toán khoản phải thu về phí ủy thác tại bên nhận ủy thác xuất nhập khẩu:

Nợ TK 131 - Phải thu của khách hàng

Có TK 511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ (5113)

Có TK 3331 - Thuế GTGT phải nộp (33311)”

❖ “Khi lập Báo cáo tài chính, số dư nợ phải thu của khách hàng bằng ngoại tệ được đánh giá theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính:

– “Nếu tỷ giá ngoại tệ tăng so với tỷ giá Đồng Việt Nam, ghi:

Nợ TK 131 - Phải thu của khách hàng

Có TK 413 - Chênh lệch tỷ giá hối đoái (4131).”

– “Nếu tỷ giá ngoại tệ giảm so với tỷ giá Đồng Việt Nam, ghi:

Nợ TK 413 - Chênh lệch tỷ giá hối đoái (4131)

Có TK 131 - Phải thu của khách hàng.””


CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG CÔNG VIỆC KẾ TOÁN PHẢI THU KHÁCH HÀNG TẠI CÔNG TY TNHH CONTA VIỆT NAM

2.1. Giới thiệu về công ty

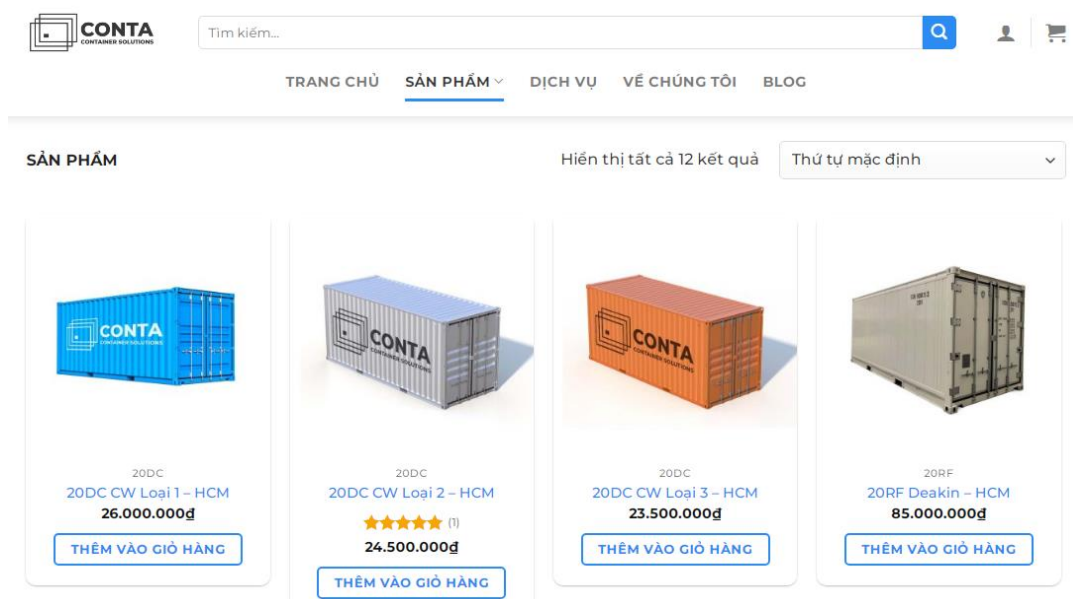
2.1.1. Thông tin về công ty thực hiện đề tài

Bảng 2.1. Thông tin về Công ty TNHH Conta Việt Nam

Logo	
Tên giao dịch tiếng Anh	CONTA VIET NAM COMPANY LIMITED
Tên giao dịch tiếng Việt	CÔNG TY TNHH CONTA VIỆT NAM
Địa chỉ	17/4B Điện Biên Phủ , Phường 22, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
Người đại diện pháp luật	Trần Thị Lộc Phước
Ngày thành lập	Ngày 17 tháng 08 năm 2023.
Vốn điều lệ	20.000.000.000
Số điện thoại	0399456822
Website	www.conta.vn
Email	info@conta.vn
Ngành nghề kinh doanh	Bán buôn không chuyên khác chưa được phân vào đâu (bán buôn container).

(Nguồn: Công ty cung cấp)

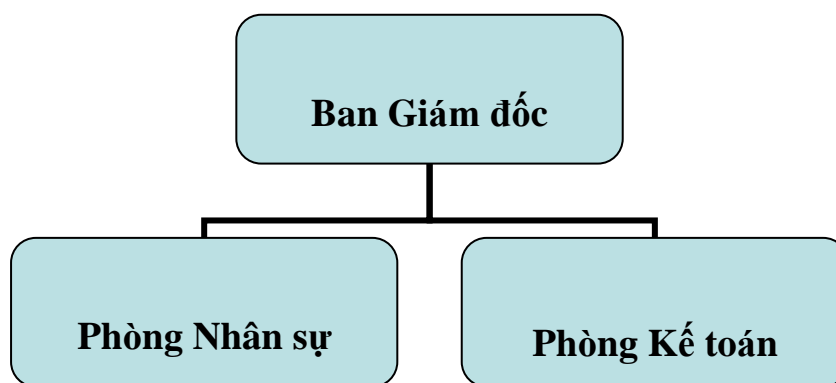
+ Hình ảnh minh họa sản phẩm:



(Nguồn: Công ty cung cấp)

Hình 2.1. Ảnh minh họa sản phẩm của công ty.

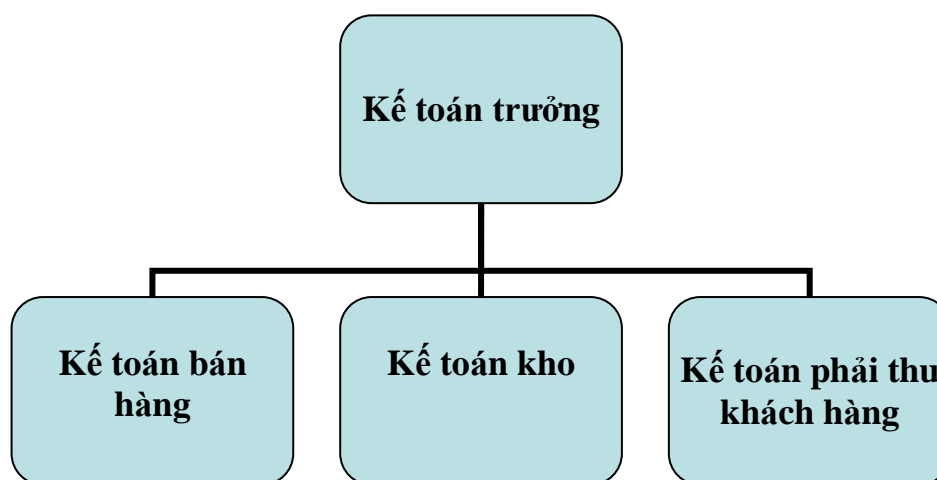
2.1.2. Sơ đồ tổ chức công ty



Sơ đồ 2.1. Sơ đồ tổ chức công ty.(Nguồn: Công ty cung cấp)

2.2. Tổ chức công tác kế toán của Doanh nghiệp

2.2.1. Sơ đồ tổ chức phòng kế toán



Sơ đồ 2.2. Sơ đồ tổ chức phòng kế toán. (Nguồn: Công ty cung cấp)

2.2.2. Công việc và nhiệm vụ của từng chức danh tại phòng kế toán

- **Kế toán trưởng: Trần Bá Vương**

+ Công việc:

- Quản lý và điều phối toàn bộ hoạt động kế toán của doanh nghiệp.
- Giám sát và đánh giá tình hình tài chính, lập báo cáo tài chính định kỳ cho Giám đốc.

+ Nhiệm vụ:

- Phê duyệt các chứng từ kế toán và báo cáo tài chính do các bộ phận khác lập.
- Đảm bảo tất cả các hoạt động kế toán tuân thủ quy định do pháp luật và chính sách của doanh nghiệp.

- **Kế toán bán hàng: Cao Thanh Tuấn**

+ Công việc:

- Quản lý và theo dõi các giao dịch bán hàng, ghi nhận doanh thu.

+ Nhiệm vụ:

- Lập hóa đơn bán hàng.
- Ghi nhận doanh thu và cập nhật số liệu bán hàng vào phần mềm kế toán.

- **Kế toán kho: Hoàng Nghiêm Minh**

+ Công việc:

- Quản lý hàng tồn kho, đảm bảo số liệu nhập – xuất chính xác.

+ Nhiệm vụ:

- Ghi nhận và kiểm tra chứng từ liên quan đến nhập – xuất kho.

- Kiểm kê hàng hóa định kỳ và đối chiếu với sổ sách kế toán.
- **Kế toán phải thu khách hàng: Nguyễn Chính Công**
- + Công việc:
 - Quản lý và theo dõi các khoản phải thu khách hàng, đảm bảo thu hồi nợ đúng hạn.
- + Nhiệm vụ:
 - Định kỳ kiểm tra và theo dõi tình trạng các khoản phải thu khách hàng.
 - Liên lạc với khách hàng về việc thanh toán và xử lý các vấn đề liên quan nếu phát sinh.

2.2.3 Đặc điểm và chính sách kế toán:

- **Đặc điểm:**
 - + Chế độ kế toán theo Thông tư 200/2014/TT-BTC, do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014, ngày hiệu lực 01 tháng 01 năm 2015.
 - + Hình thức kế toán: Nhật ký chung.
 - + Niên độ kế toán: Chu kỳ kế toán 12 tháng (bắt đầu từ ngày 01/01 kết thúc vào ngày 31/12).
 - + Xử lý dữ liệu kế toán bằng: Excel kết hợp với phần mềm kế toán Fast.
- **Chính sách kế toán:**
 - + Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: giá bình quân gia quyền cuối kỳ.
 - + Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: kê khai thường xuyên.
 - + Phương pháp khấu hao TSCĐ: phương pháp đường thẳng.
 - + Phương pháp thuế GTGT: phương pháp khấu trừ.
 - + Trích lập dự phòng theo Thông tư số 48/2019/TT-BTC về “*Trích lập và xử lý các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, dự phòng tổn thất các khoản đầu tư, dự phòng tổn thất nợ phải thu khó đòi và dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, công trình xây dựng làm cơ sở xác định khoản chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định*” do Bộ Tài chính ban hành ngày 08 tháng 08 năm 2019, ngày hiệu lực 10 tháng 10 năm 2019.

2.3. Thực trạng công việc kế toán phải thu khách hàng tại Công ty TNHH Conta Việt Nam

2.3.1. Yêu cầu của công việc

- Mục đích công việc:

- + Quản lý các khoản phải thu khách hàng.
- + Đảm bảo các khoản nợ được thu hồi đúng hạn để ổn định dòng tiền ổn định cho doanh nghiệp.
- + Đảm bảo tính chính xác giữa tình hình thực tế và trên sổ sách.

- Nhiệm vụ chính của kế toán phải thu khách hàng:

- + Phân tích khả năng thu hồi nợ
 - Đánh giá rủi ro nợ xấu dựa trên lịch sử thanh toán của khách hàng.
 - Xem xét các khoản nợ quá hạn và đề xuất các biện pháp thu hồi nợ hiệu quả.
- + Lập biên bản đối chiếu công nợ khách hàng
 - Chuẩn bị dữ liệu và lập bảng đối chiếu công nợ
 - Thực hiện đối chiếu với khách hàng
 - Nhận phản hồi từ khách hàng, từ đó điều chỉnh nếu cần thiết.
- + Duy trì liên lạc với khách hàng
 - Liên hệ với khách hàng để nhắc nhở thanh toán khi các khoản nợ đến hạn hoặc quá hạn.
 - Giải quyết các vấn đề liên quan đến công nợ và thanh toán khách hàng.

- Kết quả của công việc:

- + Phân tích khả năng thu hồi nợ
 - Đánh giá chính xác rủi ro công nợ.
 - Tăng cường hiệu quả quản lý nợ.
 - Cải thiện quyết định tín dụng.
- + Lập biên bản đối chiếu công nợ khách hàng.
 - Xác nhận tính chính xác của số dư nợ phải thu.
 - Giám thiểu tranh chấp và sai sót.
 - Tăng cường kiểm soát nội bộ.
- + Duy trì liên lạc với khách hàng
 - Giữ mối quan hệ với khách hàng.

- Giải quyết kịp thời các vấn đề phát sinh.

- Nâng cao khả năng thu hồi nợ.

- **Các yêu cầu cho vị trí công việc:**

+ Trình độ: cử nhân chuyên ngành: Kế toán, Tài chính, Quản trị Kinh doanh.

+ Kinh nghiệm:

- Kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực kế toán phải thu: ít nhất 1 năm kinh nghiệm làm việc ở vị trí tương đương.

- Kinh nghiệm sử dụng phần mềm kế toán: thực tế sử dụng và vận hành các phần mềm kế toán FAST trong công việc hàng ngày.

+ Kỹ năng:

- Kỹ năng giao tiếp.

- Kỹ năng quản lý thời gian.

- Kỹ năng giải quyết vấn đề.

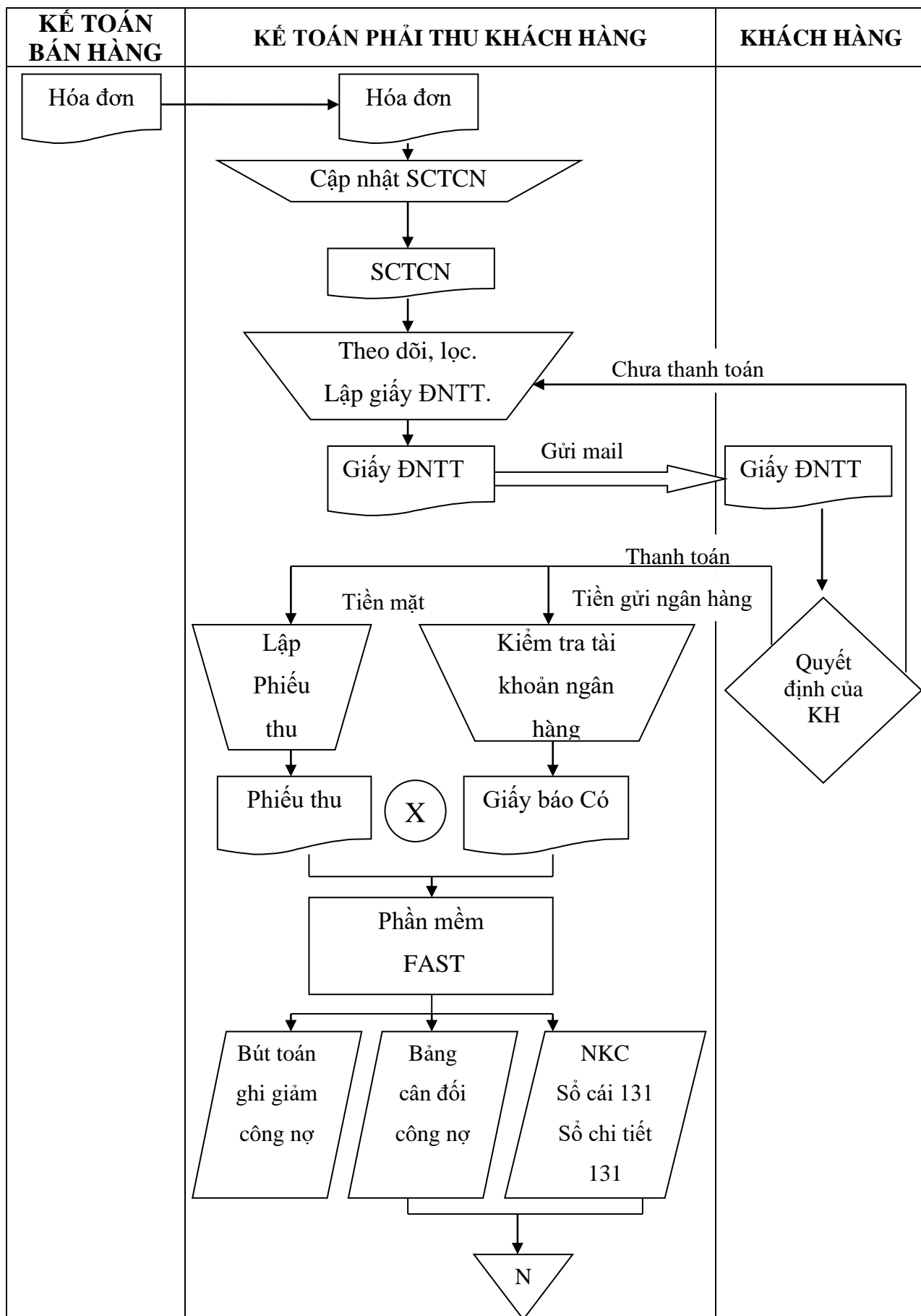
- Kỹ năng phân tích.

- Kỹ năng sử dụng phần mềm kế toán.

- Kỹ năng đàm phán.

2.3.2. Trình tự tiến hành

Lưu đồ/Sơ đồ quy trình công việc:



Lưu đồ 2.1. Lưu đồ luân chuyển chứng từ.

Diễn giải:

Bước 1: Kế toán phải thu khách hàng nhận hóa đơn từ kế toán bán hàng.

Bước 2: Cập nhật lên sổ chi tiết công nợ (tên khách hàng, mã khách hàng, số tiền, số hóa đơn, ngày hóa đơn, ...)

Bước 3: Kế toán phải thu khách hàng liên tục theo dõi và lọc ra những khoản phải thu khách hàng đến hạn thanh toán, lập giấy đề nghị thanh toán đối với những khách hàng quá hạn thanh toán.

Bước 4: Gửi giấy đề nghị thanh toán qua mail cho khách hàng.

Bước 5: Sau khi khách hàng nhận giấy đề nghị thanh toán, sẽ có 2 trường hợp:

- Khách hàng chưa thanh toán: quay lại bước 3 tiếp tục theo dõi nợ của khách hàng.
- Khách hàng thanh toán: có 2 lựa chọn phương thức thanh toán:
 - + Thanh toán bằng tiền mặt: Lập phiếu thu.
 - + Thanh toán bằng tiền gửi ngân hàng: Kiểm tra TKNH nhận giấy báo Có.

Bước 6: Cập nhật bảng cân đối công nợ và hoạch toán vào phần mềm ghi giảm khoản phải thu khách hàng.

Bước 7: Mỗi cuối kỳ, xuất sổ Nhật ký chung, Sổ cái, Sổ chi tiết từ phần mềm FAST, lưu theo số.

2.3.3. Kết quả công việc

- **Liên quan đến loại chứng từ kế toán:**

- + Hóa đơn GTGT.
- + Giấy báo Có.

- **Liên quan đến bút toán:**

Nghiệp vụ minh họa 1 (Phụ lục 1)

Ngày 25 tháng 03, căn cứ hóa đơn GTGT 137 kí hiệu 1C24TCT ngày 29 tháng 02 năm 2024, thu tiền Công ty Cổ phần Eastwood Energy tiền phí thuê container T2/2024 với số tiền: 93.744.000 VNĐ (đã gồm thuế GTGT). Đã nhận giấy báo Có về khoản tiền trên.

→Hạch toán:

Nợ TK 11211 93.744.000

Có TK 131111 93.744.000

STT (No.)	TÊN HÀNG HÓA DỊCH VỤ (Description)	ĐVT (Unit)	SỐ LƯỢNG (Quantity)	ĐƠN GIÁ (Price)	THÀNH TIỀN (Amount)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6=4x5)
1	Phí thuê container kho 20 feet tháng 02.2024	Cont	124	700.000	86.800.000
Tổng cộng tiền hàng (Total amount):					86.800.000
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%					Tiền thuế GTGT (VAT amount): 6.944.000
Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):					93.744.000

Số tiền viết bằng chữ (Amount in words): Chín mươi ba triệu bảy trăm bốn mươi bốn nghìn đồng

Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên) (Buyer, sign and full name)	Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên) (Seller, sign and full name)
-----------------------------------------------------------------------------	------------------------------------------------------------------------------

Ký điện tử bởi: **CÔNG TY TNHH CONTA VIỆT NAM**
Ký ngày 29 tháng 02 năm 2024

Trang (page) 1 / 1
(Cần kiểm tra đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)
Mã của cơ quan thuế: 00F806671DC5124914960A249F6CD49452
(Hóa đơn Điện tử được tra cứu trực tuyến tại tracuu.wininvoice.vn, mã tra cứu: QDBH8WVNJG, mã công ty: 0317999373)
(Cung cấp giải pháp hóa đơn điện tử: Công Ty TNHH Win Tech Solution - MST: 0312303803 - www.win-tech.vn)

Hình 2. 2. Hóa đơn GTGT số 137 của nghiệp vụ 21.

CÔNG TY TNHH CONTA VIỆT NAM
17/4B Điện Biên Phủ, Phường 22, Q. Bình Thạnh, TP.HCM

Số phiếu: 10/3BC
Tài khoản nợ: 11211

GIẤY BÁO CÓ CỦA NGÂN HÀNG (THU)

Ngày 25 tháng 3 năm 2024

Người nộp tiền: Công ty Cổ Phần EASTWOOD ENERGY
Đơn vị: EASTWOOD - Công ty Cổ Phần EASTWOOD ENERGY
Địa chỉ: Lô A5.1 - A5.2, KCN Chơn Thành 1, P. Thành Tâm, TX. CT, BP
Vế khoản: Thu tiền, hđ 137

Nội dung	Tài khoản	Số tiền
Thu tiền, hđ 137	131111 - Phải thu ngắn hạn khách hàng: Hđ SXKD	93 744 000
Tổng cộng số tiền:		93 744 000

Chín mươi ba triệu, bảy trăm bốn mươi bốn nghìn đồng chẵn

Kèm theo: 0 chứng từ gốc.
KẾ TOÁN TRƯỞNG
(Ký, họ tên)

NGƯỜI LẬP PHIẾU
(Ký, họ tên)

Hình 2. 3. Giấy báo Có số 10/3BC.

FAST Giấy báo có (thu) của ngân hàng. Kỳ: 01/01/24-31/03/24

Loại phiếu thu	2	Thu chi tiết theo khách hàng	Ngày ht	25/03/2024
Mã khách	EASTWOOD	Công ty Cổ Phần EASTWOOD ENERGY	Ngày lập pt	25/03/2024
Địa chỉ	Lô A5.1 - A5.2, KCN Chơn Thành 1, P. Thành Tâm			
Ng. nộp tiền	Công ty Cổ Phần EASTWOOD ENERGY		Số pt	10/3BC
Lý do nộp	Thu tiền, hđ 137	TGGD	VND	1,00
Tk nợ	11211	Tiền VND gửi ngân hàng MBBAN	Số thứ tự	Hạn TT
				0

F4-Thêm dòng mới, F5-Tính tỷ giá ghi sổ, F8-Xóa dòng, Ctrl+Tab-Ra khỏi chi tiết

Tk có	Tên tài khoản	Ps có VND	Diễn giải	Vụ việc
131111	Phải thu ngắn hạn khách hàng:	93 744 000	Thu tiền, hđ 137	

Sửa trường tiền Sửa tỷ giá ghi sổ

Số HĐ: 93 744 000

Trạng thái: Đã ghi sổ cái

Hình 2. 4. Màn hình làm việc với giấy báo Có 10/3BC.

Nghiệp vụ minh họa 2 (Phụ lục 2):

Ngày 19 tháng 03 năm 2024, nhận tiền ứng trước 45.403.200 đồng bằng TGNH từ Công ty TNHH MTV Cảng ICD Tây Nam theo hợp đồng mua bán số: 080324/CTA-TAYNAM ký ngày 08/03/2024 gồm: 01 Container 40HC đã qua sử dụng, giá 44.280.000 và phí nâng container rộng 40 feet 1.123.200 (đã bao gồm thuế GTGT). Đã nhận giấy báo Có về khoản tiền trên.

→Hạch toán:

Nợ TK 11211 44.280.000
 Có TK 131111 44.280.000

Và

Nợ TK 11211 1.123.200
 Có TK 131111 1.123.200

CÔNG TY TNHH CONTA VIỆT NAM 17/4B Điện Biên Phủ, Phường 22, Q. Bình Thạnh, TP.HCM			Số phiếu: 9/3BC Tài khoản nợ: 11211
GIẤY BÁO CÓ CỦA NGÂN HÀNG (THU) Ngày 19 tháng 3 năm 2024			
Người nộp tiền:	Công ty TNHH MTV Cảng ICD Tây Nam		
Đơn vị:	TAYNAM - Công ty TNHH MTV Cảng ICD Tây Nam		
Địa chỉ:	429/10 Xa Lộ Hà Nội, KP7, P. Trường Thọ, TP. Thủ Đức, HCM		
Vé khoản:	Thu tiền, hũ 170 + 172		
Nội dung	Tài khoản	Số tiền	
Thu tiền, hũ 170 + 172	131111 - Phải thu ngắn hạn khách hàng: Hũ SXKD	90 640 000	
	-		
		Tổng cộng số tiền:	90 640 000
		<i>Chín mươi triệu, sáu trăm bốn mươi nghìn đồng chẵn</i>	
Kèm theo: 0 chứng từ gốc. KẾ TOÁN TRƯỞNG (Ký, họ tên)		NGƯỜI LẬP PHIẾU (Ký, họ tên)	

Hình 2. 5. Giấy báo Có số 9/3BC.

(Nguồn: Công ty cung cấp)

FAST **Giấy báo co (thu) của ngân hàng. Kỳ : 01/01/24-31/03/24**

Loại phiếu thu	2	Thu chi tiết theo khách hàng	Ngày ht	19/03/2024
Mã khách	TAYNAM	Công ty TNHH MTV Cảng ICD Tây Nam	Ngày lập pt	19/03/2024
Địa chỉ	429/10 Xa Lộ Hà Nội, KP7, P. Trường Thọ, TP. T			
Ng. nộp tiền	Công ty TNHH MTV Cảng ICD Tây Nam		Số pt	9/3BC
Lý do nộp	Thu tiền, hđ 170 + 172		TGGD	VND 1,00
Tk nợ	11211	Tiền VND gửi ngân hàng MBBAN	Số thứ tự	Hạn TT 0

F4-Thêm dòng mới, F5-Tính tỷ giá ghi sổ, F8-Xóa dòng, Ctrl+Tab-Ra khỏi chi tiết

Tk có	Tên tài khoản	Ps có VND	Diễn giải	Vụ việc
131111	Phải thu ngắn hạn khách hàng	90 640 000	Thu tiền, hđ 170 + 172	

Sửa trường tiền Sửa tỷ giá ghi sổ

Số HĐ: 90 640 000

Trạng thái: Đã ghi sổ cái Tiền VND gửi ngân hàng MBBANK

Lưu Mới Copy In ctừ Sửa Xóa Xem Tìm Quay ra

Hình 2. 6. Màn hình làm việc giấy báo Có số 9/3BC.

(Nguồn: Công ty cung cấp)

- **Sổ sách kế toán:**
 - + Sổ nhật ký chung.
 - + Sổ cái TK 131, 112.
 - + Sổ chi tiết TK 131111, 11211.
- **Báo cáo:**
 - + Báo cáo thuế GTGT.
 - + Bảng cân đối công nợ theo khách hàng.
 - + Sổ chi tiết công nợ theo khách hàng.
- **Chứng từ, sổ kế toán của doanh nghiệp có liên quan đến công việc:** theo Thông tư 200/2014/TT-BTC, do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014, ngày hiệu lực 01 tháng 01 năm 2015.
- **Liên quan công việc kế toán khác:**
 - + Kế toán bán hàng.

- **Cách lưu trữ hồ sơ kế toán:**

+ Đối với giấy tờ:

- Sử dụng kệ, tủ lưu trữ chuyên dụng để bảo quản hồ sơ.
- Phân loại và sắp xếp hồ sơ theo từng năm, từng quý và từng loại để dễ dàng truy xuất.
- Bảo quản hồ sơ ở nơi khô ráo, tránh ẩm ướt và ánh nắng trực tiếp để tránh hư hỏng.

+ Đối với dữ liệu điện tử:

- Sử dụng phần mềm kế toán để lưu trữ và quản lý hồ sơ điện tử.
- Định kỳ sao lưu dữ liệu ra các thiết bị lưu trữ ngoại vi (USB, ổ cứng ngoài) hoặc lưu trữ đám mây.
- Đảm bảo an ninh mạng và bảo mật thông tin để tránh rò rỉ dữ liệu.

- **Kiểm tra kết quả công việc**

+ Người kiểm tra: Giám đốc.

+ Định kỳ kiểm tra: Hàng ngày.

+ Cách thức kiểm tra:

- Kiểm tra sổ chi tiết công nợ.
- Kiểm tra bảng cân đối công nợ.

CHƯƠNG 3

NHẬN XÉT VÀ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN PHẢI THU KHÁCH HÀNG TẠI CÔNG TY TNHH CONTA VIỆT NAM

3.1 Sự cần thiết và yêu cầu hoàn thiện về công tác kế toán phải thu khách hàng tại Công ty TNHH Conta Việt Nam:

3.1.1. Sự cần thiết

Nhìn chung, bộ máy kế toán của Công ty được tổ chức khá hoàn thiện và phòng kế toán cũng đã có nhiều nỗ lực trong việc phát huy hết khả năng của nó. Bên cạnh đó, khó để tránh khỏi sự hiện hữu của những mặt hạn chế cùng những điểm chưa tối ưu. Do đó, việc hoàn thiện bộ máy kế toán cũng như công tác kế toán phải thu khách hàng sẽ là nền tảng để doanh nghiệp có thể phát triển hơn nữa.

3.1.2. Yêu cầu hoàn thiện

- Nghiên cứu và triển khai tối ưu việc sử dụng phần mềm kế toán FAST.
- Quản lý chặt chẽ các khoản phải thu của khách hàng và có biện pháp xử lý hiệu quả hơn.
- Tích cực hơn trong việc thực hiện trích lập các khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi.
- Bổ sung các báo cáo chi tiết về kế toán nói chung và về kế toán phải thu khách hàng nói riêng.
- Có chính sách chiết khấu thanh toán hấp dẫn hơn.

3.2 Giải pháp:

3.2.1. Giải pháp về tổ chức bộ máy kế toán

Tối ưu việc sử dụng phần mềm kế toán FAST sẽ giúp tự động hóa quá trình kế toán, tiết kiệm thời gian và công sức, ngoài ra còn giảm thiểu sai sót. Thứ nhất, doanh nghiệp có thể tối ưu hóa việc sử dụng chức năng “quản lý công nợ phải thu và phải trả” để theo dõi các khoản phải thu khách hàng, song song với đó là chức năng “nhắc nhở thanh toán tự động” hoặc các phần mềm có chức năng tương tự như Sage 50cloud, Xero hoặc QuickBooks, v.v... Từ đó đảm bảo tính chính xác trong việc theo dõi và ghi nhận các khoản nợ phải thu và tăng khả năng thu hồi nợ. Thứ

hai, tối ưu hóa việc sử dụng chức năng “quản lý kho bãi” bằng “quản lý nhập xuất tồn kho” để có thể nắm bắt một cách chính xác nhất về số liệu tồn kho, cùng với đó là “kiểm kê kho tự động”, luôn luôn sẵn sàng thông tin về tồn kho để cung cấp cho nhà quản trị khi cần thiết. Thực hiện điều này cũng giúp cải thiện khả năng phân tích và đưa ra quyết định của họ.

3.2.2. Giải pháp về công tác kế toán phải thu khách hàng tại Công ty TNHH Conta Việt Nam

Thực hiện việc gửi bảng đối chiếu công nợ đến khách hàng mỗi cuối kỳ nhằm xác nhận tính chính xác của các khoản nợ, đối chiếu với số liệu trong sổ. Việc này sẽ tăng tính minh bạch và sự tin cậy giữa doanh nghiệp và khách hàng. Đối chiếu công nợ cũng giúp phát hiện sớm các sai sót hoặc tranh chấp giúp giảm thiểu nguy cơ về các rủi ro tài chính và pháp lý cho doanh nghiệp. Ngoài ra, điều này cũng giúp nâng cao hiệu quả quản lý công nợ, cải thiện dòng tiền và tình hình tài chính.

Trong việc theo dõi các khoản phải thu của khách hàng, kế toán đã theo dõi chi tiết theo từng khách hàng bằng sổ chi tiết công nợ nhưng sổ này chỉ cung cấp được thông tin về khách hàng và số tiền chưa thể hiện được thời hạn thanh toán hoặc tuổi nợ. Do đó, cần bổ sung các báo cáo như: báo cáo công nợ theo khách hàng, bảng công nợ theo tuổi nợ.

Báo cáo công nợ theo khách hàng không chỉ giúp theo dõi chi tiết số tiền phải thu của từng khách hàng mà còn cung cấp thông tin về hạn thanh toán của các khoản nợ. Điều này giúp doanh nghiệp dễ quản lý và theo dõi các khoản phải thu, đề phòng và hạn chế nợ xấu.

Bảng 3.1. Ví dụ minh họa báo cáo công nợ theo khách hàng tại ngày 06/08/2024.

Khách hàng	Số hóa đơn	Ngày hóa đơn	Số tiền(VNĐ)	Ngày đến hạn
Gia Hu	000001	01/07/2024	50.000.000	01/08/2024
Cao Minh Phát	000002	05/06/2024	30.000.000	05/07/2024
Tây Nam	000003	01/05/2024	20.000.000	01/06/2024
Thuận Lợi	000004	01/03/2024	40.000.000	01/04/2024
Long Thuận	000005	20/07/2024	35.000.000	20/08/2024

Việt Công	000006	25/06/2024	45.000.000	25/07/2024
Trung Quân	000007	15/05/2024	25.000.000	15/06/2024
Kiên Nam	000008	01/04/2024	55.000.000	01/05/2024

Bên cạnh đó, bảng công nợ theo tuổi nợ sẽ là nguồn thông tin mà doanh nghiệp sẽ căn cứ vào để phân loại nợ theo thời gian quá hạn. Việc phân loại này là căn cứ để trích lập các khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi, mặt khác, nó giúp ban quản trị dễ dàng nhận diện các khoản nợ có rủi ro thu hồi cao, từ đó đưa ra các phương án xử lý khoản nợ như nhắc nhở thanh toán, tái đàm phán điều kiện thanh toán hoặc thậm chí sử dụng biện pháp pháp lý khi cần thiết.

Bảng 3.2. Ví dụ minh họa bảng công nợ theo tuổi nợ tại ngày 06/08/2024.

Khách hàng	Nợ trong hạn	Nợ quá hạn dưới 30 ngày	Nợ quá hạn từ 30 đến 60 ngày	Nợ quá hạn trên 60 ngày	Tổng nợ
Gia Hu				50.000.000	50.000.000
Cao Minh Phát				30.000.000	30.000.000
Tây Nam			20.000.000		20.000.000
Thuận Lợi				40.000.000	40.000.000
Long Thuận	35.000.000				35.000.000
Việt Công				45.000.000	45.000.000
Trung Quân			25.000.000		25.000.000
Kiên Nam				55.000.000	55.000.000

Như vậy, việc bổ sung báo cáo công nợ theo khách hàng và bảng công nợ theo tuổi nợ không chỉ giúp doanh nghiệp quản lý tình hình công nợ tốt hơn mà còn hỗ trợ Ban Giám đốc đưa ra các quyết định kịp thời, từ đó nâng cao hiệu quả hoạt động và đảm bảo sự tăng trưởng của Công ty.

Một việc thiết yếu khác là tích cực hơn trong việc lập các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi để đề phòng rủi ro do không thể thu hồi khoản nợ hoặc khách hàng không có khả năng thanh toán. Đặc biệt, với hàng hóa đặc thù của doanh nghiệp là container thì các hợp đồng và giao dịch có giá trị lớn và thời gian thanh toán kéo dài, vì thế, việc trích lập các khoản dự phòng càng quan trọng hơn.

Để thực hiện việc này một cách đúng đắn, báo cáo công nợ theo khách hàng và bảng công nợ theo tuổi nợ là vô cùng cần thiết để kế toán phải thu khách hàng xác định tỷ lệ phần trăm của các khoản nợ phải thu. Tỷ lệ trích lập của các khoản nợ quá hạn nằm trong các khoảng thời gian khác nhau thì khác nhau. Cụ thể, mức trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi được thực hiện theo quy định tại “*khoản 2 Điều 6 Thông tư 48/2019/TT-BTC*”:

- + “30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.”
- + “50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.”
- + “70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.”
- + “100% giá trị đối với khoản nợ phải thu từ 3 năm trở lên.”

(*Nguồn: www.thuvienphapluat.vn*)

Các khoản dự phòng này phải được ghi vào sổ sách kế toán và thường xuyên theo dõi, điều chỉnh khi có thay đổi trong thực tế để phản ánh đúng tình hình rủi ro hiện tại. Phần mềm kế toán Fast mà doanh nghiệp đang sử dụng sẽ thực hiện tốt việc này khi các khoản dự phòng sẽ được tính toán một cách tự động giúp giảm thiểu sai sót và tiết kiệm thời gian. Thực hiện việc này không những tránh ảnh hưởng nặng nề cho Công ty khỏi các rủi ro tài chính mà còn cải thiện tính chính xác của báo cáo tài chính và tăng uy tín trong mắt nhà đầu tư khi doanh nghiệp có phương án để đề phòng và xử lý rủi ro.

KẾT LUẬN

Trong suốt quá trình nghiên cứu và thực hiện khóa luận này, em đã đạt được những mục tiêu khi nghiên cứu về công tác kế toán phải thu khách hàng tại Công ty TNHH Conta Việt Nam. Em đã có cơ hội nâng cao kiến thức lý thuyết và thực hành về kế toán phải thu khách hàng, cùng với việc cải thiện nhận thức và kỹ năng chuyên môn của mình. Bên cạnh đó, em đã tiến hành đánh giá thực trạng kế toán phải thu khách hàng tại Công ty TNHH Conta Việt Nam, nhận diện các vấn đề và những mặt hạn chế vẫn tồn tại, qua đó đưa ra các giải pháp và khuyến nghị để cải thiện.

Tuy nhiên, do hạn chế về thời gian và kiến thức, em nhận thấy khóa luận này vẫn còn một số điểm chưa hoàn thiện. Số lượng nghiệp vụ còn ít, tính đa dạng chưa cao; các chứng từ và sổ sách chưa được trình bày đầy đủ do dữ liệu thu thập hạn chế. Cùng với đó, các giải pháp và khuyến nghị mà em đề xuất trong khóa luận có thể chưa đủ sâu sắc để giải quyết triệt để các vấn đề, do kinh nghiệm và tầm nhìn của bản thân còn hạn hẹp.

Em rất mong nhận được sự góp ý từ Thầy Cô để có thể hoàn thiện hơn nữa nội dung khóa luận này. Cuối cùng, em xin gửi lời cảm ơn chân thành đến Thầy Vương Sỹ Giao đã tận tình hướng dẫn và giúp đỡ em trong suốt quá trình thực hiện, đồng thời, em cũng xin cảm ơn Công ty TNHH Conta Việt Nam đã hỗ trợ thông tin và giải đáp các câu hỏi của em một cách chi tiết trong cả quá trình tìm hiểu và nghiên cứu.

PHỤ LỤC

Thứ tự	Phụ lục	Nghịệp vụ	Trang
1	1	1	19
2	2	2	21

Phụ lục 3: Sổ nhật ký chung.

Đơn vị: Công ty TNHH Conta Việt Nam					Mẫu số S03a-DN		
Địa chỉ: 17/4B Điện Biên Phủ, Phường 22, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam					(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)		
MST: 0317999373							
SỔ NHẬT KÝ CHUNG							
Quý I năm 2024							
<i>Đơn vị tính: Đồng</i>							
Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	STT đồng	Số hiệu TK đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày, tháng				Nợ	Có
A	B	C	D	G	H	1	2
...
19/03/2024	9/3BC	19/03/2024	Thu tiền, hđ 170		11211	45,403,200	
19/03/2024	9/3BC	19/03/2024	Thu tiền, hđ 170		131111		45,403,200
...
25/03/2024	10/3BC	25/03/2024	Thu tiền, hđ 137		11211	93,744,000	
25/03/2024	10/3BC	25/03/2024	Thu tiền, hđ 137		131111		93,744,000
...
Cộng chuyển sang trang sau				x	x		

Phụ lục 3. 1. Sổ Nhật ký chung.

(Nguồn: Công ty cung cấp)

Phụ lục 4: Sổ cái các tài khoản.

- Sổ cái TK 131

Đơn vị: Công ty TNHH Conta Việt Nam					Mẫu số S03b-DN		
Địa chỉ: 17/4B Điện Biên Phủ, Phường 22, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.					(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)		
MST: 0317999373							
SỔ CÁI							
Quý I năm 2024							
Tên tài khoản: Phải thu của khách hàng							
Số hiệu 131							
<i>Đơn vị tính: Đồng</i>							
Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK đối	Số tiền		
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có	
A	B	C	D	E	1	2	
...	Số dư đầu kỳ			0	
...	
19/03/2024	9/3BC	19/03/2024	Thu tiền, hđ 170	11211		45,403,200	
25/03/2024	10/3BC	25/03/2024	Thu tiền, hđ 137	11211		93,744,000	
...	
Cộng phát sinh						1,828,802,844	1,610,024,393
Số dư cuối kỳ						218,778,451	

Phụ lục 4. 1. Sổ cái TK 131

(Nguồn: Công ty cung cấp)

- **SỔ CÁI TK 112**

Đơn vị: Công ty TNHH Conta Việt Nam			Mẫu số S02c1-DNN				
Địa chỉ: 17/4B Điện Biên Phủ, Phường 22, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh			(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)				
SỔ CÁI							
(Dùng cho hình thức chứng từ ghi sổ)							
Quý I năm 2024							
Tên tài khoản: Tiền gửi ngân hàng							
Số hiệu 112							
Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số tiền		Ghi chú
	Số hiệu	Ngày, tháng			Nợ	Có	
A	B	C	D	E	1	2	G
			- Số dư đầu năm - Số phát sinh trong tháng				
09/03/2024	9/3BC	19/03/2024	Thu tiền, hđ 170	131111	45,403,200		
...
25/03/2024	10/3BC	25/03/2024	Thu tiền, hđ 137	131111	93,744,000		
...	☒ (Ctrl) ▾
			- Cộng số phát sinh tháng	x			x
			- Số dư cuối tháng	x			x
			- Cộng lũy kế từ đầu quý	x			x

Phụ lục 4. 2. Sổ cái TK 112.

Phụ lục 5: Sổ chi tiết các tài khoản.

Sổ chi tiết thanh toán với người mua

Đơn vị: Công ty TNHH Conta Việt Nam			Mẫu số S31-DN						
Địa chỉ: 17/4B Điện Biên Phủ, Phường 22, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh			(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)						
MST: 0317999373			Sổ chi tiết thanh toán với người mua (người bán)						
(Dùng cho TK: 131, 331)									
Tài khoản: 131111									
Đối tượng: Phải thu của khách hàng									
Loại tiền: VND									
Ngày, tháng	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Thời hạn được chiết	Số phát sinh		Số dư	
	Số hiệu	Ngày, tháng				Nợ	Có	Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5
			- Số dư đầu kỳ			0			
			- Số phát sinh trong kỳ			1,828,802,844			
...
09/03/2024	9/3BC	19/03/2024	Thu tiền, hđ 170	11211			45,403,200		
...
25/03/2024	10/3BC	25/03/2024	Thu tiền, hđ 137	11211			93,744,000		
...
			- Cộng số phát sinh	x	x	1,828,802,844	1,610,024,393	x	x
			- Số dư cuối kỳ	x	x	x	x	218,778,451	

Phụ lục 5. 1. Sổ chi tiết thanh toán với người mua.

(Nguồn: Công ty cung cấp)

Sổ chi tiết TK 11211

Đơn vị: Công ty TNHH Conta Việt Nam		Mẫu số: S08- DN						
Địa chỉ: 17/4B Điện Biên Pt		(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)						
SỔ TIỀN GỬI NGÂN HÀNG								
Nơi mở tài khoản giao dịch: Ngân hàng Công Thương Việt Nam								
Số hiệu tài khoản tại nơi gửi: 108875121833								
Ngày, tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản đối ứng	Số tiền			Ghi chú
	Số hiệu	Ngày, tháng			Thu (gửi vào)	Chi (rút ra)	Còn lại	
A	B	C	D	E	1	2	3	F
			- Số dư đầu kỳ					
			- Số phát sinh trong kỳ					
...	
09/03/2024	9/3BC	19/03/2024	Thu tiền, hđ 170	131111	45,403,200			
...	
25/03/2024	10/3BC	25/03/2024	Thu tiền, hđ 137	131111	93,744,000			
...	
			- Cộng số phát sinh trong kỳ	x			x	x
			- Số dư cuối kỳ	x	x	x		x

Phụ lục 5. 2. Sổ tiền gửi ngân hàng.

Phụ lục 6: Sổ chi tiết công nợ.

CÔNG TY TNHH CONTA VIỆT NAM					
SỔ CHI TIẾT CÔNG NỢ					
Tài khoản: 131 - Phải thu khách hàng					
Từ ngày: 01/01/2024 đến ngày: 31/03/2024					
Chứng từ		Diễn giải	TK đ/ư	Số phát sinh	
Ngày	Số			Nợ	Có
29/02/2024	137	Phí thuê cont tháng 2/2024	51131	86,800,000	
29/02/2024	137	Phí thuê cont tháng 2/2024	33311	6,944,000	
25/03/2024	10/3BC	Thu tiền, hđ 137	11211		93,744,000
...
19/03/2024	9/3BC	Thu tiền, hđ 170 + 172	11211		90,640,000
22/03/2024	170	Xuất bán hàng cho khách	51111	41,000,000	
22/03/2024	170	Xuất bán hàng cho khách	33311	3,280,000	
22/03/2024	170	Cont 40HC đã qua sử dụng + Phí nâng cont rỗng 40 feet	51131	1,040,000	
22/03/2024	170	Cont 40HC đã qua sử dụng + Phí nâng cont rỗng 40 feet	33311	83,200	
...

Phụ lục 6. 1. Sổ chi tiết công nợ.

(Nguồn: Công ty cung cấp)

Phụ lục 7: Bảng cân đối phát sinh công nợ.

CÔNG TY TNHH CONTA VIỆT NAM							
BẢNG CÂN ĐỐI PHÁT SINH CÔNG NỢ							
Tài khoản: 131 - Phải thu khách hàng							
Từ ngày: 01/01/2024 đến ngày: 31/03/2024							
Mã khách	Tên khách	Số dư đầu kỳ		Phát sinh		Số dư cuối kỳ	
		Dư nợ đầu kỳ	Dư có đầu kỳ	Phát sinh nợ	Phát sinh có	Dư nợ cuối kỳ	Dư có cuối kỳ
MANUFA	CN CT TNHH ECHTRONIC INDUSTRIES VN MANUFACTURING				2,500,000	2,500,000	
AVP	Công ty CP Năng Lượng An Việt Phát				251,974,800	251,974,800	
TRITHANH	Công ty CP Tập Đoàn Kỹ Nghệ Gỗ Trường Thành				5,660,000	5,660,000	
DUONGCFC	Công ty Cổ Phần Dương Phát				20,000,000	20,000,000	
EASTWOO	Công ty Cổ Phần EASTWOOD ENERGY				299,600,361	206,863,200	92,737,161
TAYNAM	Công ty TNHH MTV Cảng ICD Tây Nam				90,723,200	90,723,200	
SRT	Công ty Cổ Phần Kho Vận SRT				6,250,000	6,250,000	
MPHUONG	Công ty Cổ phần Minh Phương Logistics				2,400,000	2,400,000	
TANTHANH	Công ty Cổ Phần Thương Mại Cơ Khí Tân Thành				51,840,000	40,000,000	11,840,000
THANHMY	Công ty Cổ Phần Đầu Tư Thành Mỹ				52,000,000	52,000,000	
SUNRUN	Công ty SUNRUN GIFT				1,250,000	1,250,000	
BATN	Công ty TNHH Bảo Anh Tây Ninh				16,848,000	5,616,000	11,232,000

Phụ lục 7. 1. Bảng cân đối phát sinh công nợ.

(Nguồn: Công ty cung cấp)

TÀI LIỆU THAM KHẢO


1. Bộ Tài chính(2014) - Thông tư số 200/2014/TT-BTC về “*Chế độ kế toán doanh nghiệp*”, ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014, ngày hiệu lực 01 tháng 01 năm 2015.
2. Thư Viện Pháp Luật(2024) - *Khái niệm khoản phải thu*.
<https://thuvienphapluat.vn/hoi-dap-phap-luat/83A07EF-hd-khoan-phai-thu-la-gi-nguyen-tac-ke-toan-khoan-phai-thu-noi-bo.html>
3. Thư Viện Pháp Luật(2023) - Quy định về các mục trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi.
<https://thuvienphapluat.vn/chinh-sach-phap-luat-moi/vn/ho-tro-phap-luat/tu-van-phap-luat/45541/quy-dinh-ve-cac-muc-trich-lap-du-phong-no-phai-thu-kho-doi>
4. Tin Tức Kế Toán - Sơ đồ kế toán tài khoản 131 – Phải thu khách hàng theo Thông tư 200.
<https://tintucketoan.com/so-do-ke-toan-tai-khoan-131-phai-thu-khach-hang-theo-thong-tu-200/>

Bạo Huỳnh Tấn

Check KLTN

 12

 KLTN-21DKT1A

 Nguyen Tat Thanh University

Thông tin chi tiết về tài liệu

ID bài nộp

trn:oid:::1:2990613428

Ngày nộp

18:22 GMT+7 26 thg 8, 2024

Ngày tải xuống

18:25 GMT+7 26 thg 8, 2024

Tên tệp

1.KLTN_Bao_260824_Check.docx

Kích cỡ tệp

4.0 MB

62 Trang

10.378 Từ

41.080 Ký tự




14% Tính tương đồng nói chung

Tổng cộng của tất cả các kết quả trùng khớp, bao gồm cả các nguồn trùng lặp, cho mỗi c...

Đã lọc khỏi Báo cáo

- ▶ Mục lục tham khảo
- ▶ Văn bản được trích dẫn
- ▶ Văn bản được trích dẫn
- ▶ Kết quả trùng khớp nhỏ (ít hơn 15 từ)

Nguồn hàng đầu

- 10%  Nguồn Internet
- 1%  Ấn bản
- 11%  Bài tập được nộp (bài của học sinh)

Cờ chỉ báo về tính toàn vẹn




0 cờ chỉ báo về tính toàn vẹn để đánh giá

Không phát hiện thấy văn bản nào nghi ngờ là ngụy tạo.

Các thuật toán trong hệ thống của chúng tôi xem xét kỹ lưỡng một tài liệu để phát hiện sự không nhất quán khiến cho tài liệu đó khác với một bài nộp bình thường. Nếu nhận thấy điều gì lạ, chúng tôi sẽ gắn cờ để bạn xem xét.

Cờ không nhất thiết là dấu hiệu chỉ báo có vấn đề. Tuy nhiên, bạn nên chú ý vào phần đó để xem xét thêm.

Nguồn hàng đầu

- 10%  Nguồn Internet
- 1%  Ấn bản
- 11%  Bài tập được nộp (bài của học sinh)

Nguồn hàng đầu

Các nguồn có số lượng kết quả trùng khớp cao nhất trong bài nộp. Các nguồn chồng chéo sẽ không được hiển thị.

1	Bài của học viên	
Hoa Sen University		3%
2	Internet	
repositoryapi.ntt.edu.vn		2%
3	Internet	
text.123docz.net		1%
4	Internet	
www.slideshare.net		1%
5	Bài của học viên	
Vietnam Commercial University		1%
6	Internet	
123docz.net		1%
7	Bài của học viên	
Ho Chi Minh University of Technology and Education		1%
8	Internet	
luanvan24.com		1%
9	Bài của học viên	
National Economics University		0%
10	Bài của học viên	
Nha Trang University		0%
11	Internet	
tailieu.vn		0%

12	Bài của học viên	University of Finance – Marketing	0%
13	Bài của học viên	Da Nang University of Economics	0%
14	Internet	lib.hpu.edu.vn	0%
15	Bài của học viên	Foreign Trade University	0%
16	Internet	11167222994628038449.googlegroups.com	0%
17	Bài của học viên	University of Economics Ho Chi Minh	0%
18	Internet	luanvan.org	0%
19	Internet	text.xemtailieu.net	0%
20	Internet	thuctaptotnghiep.net	0%
21	Bài của học viên	Banking Academy	0%
22	Internet	eldata10.topica.edu.vn	0%
23	Internet	tapchitaichinh.vn	0%
24	Bài của học viên	Hung Vuong University	0%
25	Internet	doc.edu.vn	0%

26

Internet

www.zbook.vn

0%